TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 172/2017/DS-ST

Ngày: 09 - 8 - 2017

V/v tranh chấp dân sự hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ T, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ngân

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trương Phú Phong là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú T, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú T*** *tham gia phiên tòa:*

Ông Lê Hữu Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2017/TLST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2017 về tranh chấp dân sự hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2017/QĐST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị S – Sinh năm 1950.

Đăng ký hộ khẩu: Tổ 5, ấp T, thị trấn Phú M, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp Mỹ H, xã Tân H, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Trần Thị Kim T, trú tại ấp Kiến T, xã Kiến T, huyện Chợ M, tỉnh An Giang là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền được công chứng ngày 17/02/2017), có mặt.

2. Bị đơn: Chị Đinh Thị N – Sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 6, ấp Mỹ H, xã Tân H, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Huỳnh Văn D – Sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 6, ấp Mỹ H, xã Tân H, huyện Phú T, tỉnh An Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung cùng ngày 09/11/2016 bà Nguyễn Thị S yêu cầu chị Đinh Thị N và anh Huỳnh Văn D trả tiền hụi 77.990.000đ, tiền vay 30.000.000đ và quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa chị Trần Thị Kim T đại diện của nguyên đơn trình bày: Bà S là hụi viên, chị N là chủ hụi, bà S vô 04 dây hụi 2.000.000đ/dây, một tháng khui một lần, hụi hoa hồng, tháng 01/2016 chị N bị vỡ hụi và ngưng khui nên hai bên trừ hụi sống và hụi chết, cụ thể như sau:

1/ Dây số 1: Khui ngày 10/01/2015al gồm 24 phần, bà S vô 03 phần, hụi chết còn thiếu lại chị N 36.000.000đ (do bà S cho rằng bà chỉ hốt 01 phần , còn chị N cho rằng hốt 02 phần, hai bên chưa thống nhất nên chốt lại thống nhất hụi chết là 36.000.000đ).

- Hụi sống bà S đã chầu cho chị N được 24.193.000đ (do bà S cho rằng bà chầu hụi sống 02 phần , còn chị N cho rằng chầu hụi sống 01 phần, hai bên chưa thống nhất nên chốt lại thống nhất hụi sống chầu được là 24.193.000đ).

Dây hụi này bà S thiếu chị N tiền hụi chết 11.807.000đ (36.000.000đ-24.193.000đ).

2/ Dây số 2: Khui ngày 19/6/2015al gồm 26 phần bà S vô 03 phần, chưa hốt phần nào, chầu hụi sống được 07 lần là 29.220.000đ. Số tiền này chị N phải trả cho bà S.

3/ Dây số 3: Khui ngày 06/6/2014al gồm 26 phần, bà S vô 03 phần, đã hốt 02 phần, thiếu tiền hụi chết 20.000.000đ (05 lần x 02 phần x 2.000.000đ).

Còn hụi sống 01 phần, chầu được 21 lần tiền vốn 26.013.000đ.

Dây hụi này chị N trả cho bà S 6.013.000đ (26.013.000đ – 20.000.000đ).

4/ Dây số 4: Khui ngày 15/9/2014al gồm 26 phần, bà S vô 04 phần, bà S đã hốt 03 phần, thiếu hụi chết 48.000.000đ (08 lần x 03 phần x 2.000.000đ).

Hụi sống 01 phần, chầu được 15 lần tiền vốn là 19.860.000đ.

Dây hụi này bà S trả lại cho chị Ngọt 28.140.000đ (48.000.000đ – 19.860.000đ).

Sau khi trừ hụi sống và hụi chết của 04 dây hụi trên bà S còn thiếu chị N tiền hụi chết 4.714.000đ, nhưng theo đơn khởi kiện bà S chỉ kiện hai dây hụi số 1, dây hụi số 2, hai dây hụi này trừ tiền hụi sống và tiền hụi chết chị N còn thiếu bà S tiền hụi sống 17.413.000đ (29.220.000đ - 11.807.000đ), chị T thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ đòi tiền hụi 17.413.000đ.

Đối với tiền vay tháng 8/2015 chị N vay của bà S 30.000.000đ, hẹn một tháng trả, mức lãi 3%/tháng, đúng một tháng là tháng 9/2015 chị N trả lãi 1.000.000đ,

không trả vốn nên bà S đòi, từ đó đến nay chị N không trả vốn và lãi, chị T đồng ý trừ 1.000.000đ tiền lãi vào tiền gốc 30.000.000đ, tiền gốc còn lại 29.000.000đ, chị T thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ đòi tiền vay 29.000.000đ.

Còn lại hai dây hụi số 3 và dây hụi số 4 chị N không có yêu cầu, nên không đưa vào để trừ với hai dây hụi số 1 và số 2, khi nào chị N yêu cầu sẽ giải quyết sau.

Bị đơn chị Đinh Thị N trình bày: Chị thống nhất như trình bày trên của chị T, bà S còn thiếu chị tiền hụi chết 4.714.000đ, chị có vay tiền của bà S 30.000.000đ, nhưng số tiền này đã trừ hết trong quá trình chơi hụi, việc trừ nợ này chị không có chứng cứ để chứng minh, vì hai bên không làm giấy tờ và không có ai biết. Số tiền hụi chết 4.714.000đ chị không yêu cầu bà S trả, vì giữa chị và bà S đã trừ nợ với nhau xong, nên chị và chồng là anh Huỳnh Văn D không trả nợ cho bà S, thêm nữa anh D không có trách nhiệm trong số nợ này, vì chị làm chủ hụi và vay tiền của bà S để có thêm tiền chi tiêu cho gia đình, việc này anh D không biết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Huỳnh Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng anh không đến tham gia tố tụng, không gửi ý kiến bằng văn bản, nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật, đối với anh Huỳnh Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thưa hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, cho thấy anh D chấp hành pháp luật tố tụng chưa nghiêm . Về giải quyết vụ án, yêu cầu của chị T có căn cứ, đối với chị N có quyền khởi kiện đòi bà S tiền hụi chết theo quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị S khởi kiện yêu cầu chị Đinh Thị N và anh Huỳnh Văn D trả tiền nợ hụi và tiền nợ vay, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Huỳnh Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Huỳnh Văn D.

[2] Đối với yêu cầu của bà S, mặc dù tại đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung bà S đã yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị N và anh D trả tiền hụi 77.990.000đ và tiền vay 30.000.000đ, nhưng tại phiên tòa chị T thay đổi yêu cầu chỉ yêu cầu tiền hụi 17.413.000đ và tiền vay 29.000.000đ. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, còn trong phạm vi đơn khởi kiện, căn cứ Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử chấp nhận thay đổi yêu cầu của chị T.

[3] Xét yêu cầu của chị Trần Thị Kim T đòi chị Đinh Thị N và anh Huỳnh Văn D trả cho bà S tiền nợ hụi và nợ vay tổng cộng 46.413.000đ, Hội đồng xét xử nhận thấy tại phiên tòa chị N thừa nhận có làm chủ hụi, có vay tiền và còn thiếu bà S số tiền nói trên nhưng đã trả xong qua việc trừ hết trong quá trình chơi hụi, nhưng chị không chứng minh được. Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: "Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh". Như vậy, việc chị N còn thiếu bà S tiền hụi và tiền vay tổng cộng 46.413.000đ là có thật, do đó chị T yêu cầu chị N trả số tiền trên cho bà S và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, căn cứ Điều 463, 466, 471 Bộ Luật dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T.

[4] Tuy nhiên, đối với hai dây hụi số 3 và số 4 bà S còn thiếu chị N tiền hụi chết, trong vụ án này chị N không có yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử không thể xem xét, nhưng chị N được quyền khởi kiện bà S theo quy định của pháp luật.

[5] Đối với anh Huỳnh Văn D là chồng của chị N không có lời khai, chị N cho rằng anh D không có trách nhiệm trong số nợ trên, nhưng chị làm chủ hụi và vay tiền để có thêm thu nhập chi tiêu cho gia đình, nên anh D cũng phải có trách nhiệm với số nợ trên, cần buộc anh D cùng chị N trả nợ cho bà S.

[6] Về án phí sơ thẩm, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chị Ngọt và anh Dũng phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 357, Điều 463, 466, 471 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 147, khoản 1 Điều 273, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Kim T. Buộc chị Đinh Thị N và anh Huỳnh Văn D có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị S số tiền hụi 17.413.000đ và tiền vay gốc 29.000.000đ, tổng cộng 46.413.000đ (bốn mươi sáu triệu, bốn trăm mười ba nghìn đồng).

2. Về án phí sơ thẩm:

+ Chị Đinh Thị N và anh Huỳnh Văn D phải chịu là 2.320.000đ.

+ Bà Nguyễn Thị S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp tổng cộng là 2.650.000đ (1.900.000đ theo biên lai thu tiền số 0012758 ngày 09/01/2017 và 750.000đ theo biên lai thu tiền số 0012764 ngày 10/01/2017) của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Phú T.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- THADS huyện Phú Tân;
- VKS cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Kim Phương